

Bản án số: **28/2020/DS-ST**

Ngày: 11/08/2020

V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Lê Thị Phương Thảo**

- Các hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thị Cờ**

Và bà Vũ Thị Mai

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* **Bà Nguyễn Thị Bình** - Cán bộ
Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa không tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 08 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 31/2020/DSST ngày 26/02/2020; Về việc Tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/QĐST-DS ngày 15 tháng 07 năm 2020 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T**; Địa chỉ: 57 Lý Thường Kiệt, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh Phú – Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Vũ Long- Giám đốc xử lý nợ-Khoá KHCN theo giấy ủy quyền số 29/2018/UQ-TPB.HĐQT ngày 18/12/2018; Ông Nguyễn Việt Cường, ông Vũ Nghị Lực theo Văn bản ủy quyền số 359/2018/UQ-TPB.RB ngày 24/12/2018.(Có mặt ông Cường).

- **Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M H**, sinh năm: 1973; HKTT304, C18, Nam Thành Công, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội. Hiện không rõ địa chỉ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 29/01/2019 và bản tự khai tại tòa nguyên đơn là **Ngân hàng TMCP T** trình bày như sau:

Bà Nguyễn Thị M H vay vốn tại Ngân hàng TMCP T - Chi nhánh Hoàn Kiếm, địa chỉ tại số 38 + 40 đường Hàng Da, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội, theo các Hợp đồng cho vay số 60-04.16/HĐTD/TPB.HKM ký ngày 15/04/2016 cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 600,000,000 đồng;
- Thời hạn vay: 72 tháng

- Mục đích sử dụng vốn: Vay mua ô tô
- Lãi suất trong hạn:
 - + Lãi suất áp dụng trong vòng 18 tháng đầu tiên kể từ thời điểm giải ngân là: 8,8%;
- + Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo: được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và bằng Lãi suất cơ sở kỳ hạn 03 tháng áp dụng với khách hàng cá nhân của Ngân hàng TMCP T tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 3,85%/năm.
- Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển quá hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: 01 xe ô tô Suzuki Vitara, màu Xanh Trắng, số khung TSMYD21S6GM193147, số máy M16A2015743, biển kiểm soát 30A-988.15 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 224000 do Phòng Cảnh sát giao thông công an thành phố Hà Nội cấp ngày 15/04/2016 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 60-04.16/HĐTC/TPB.HKM ký ngày 15/04/2016 giữa bà Nguyễn Thị M H và Ngân hàng TMCP T

Quá trình thực hiện Hợp đồng, bà Nguyễn Thị M H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng TMCP T kể từ ngày 26/05/2017 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng cho vay. Tạm tính đến ngày **26/12/2018**, bà Nguyễn Thị M H còn nợ Ngân hàng TMCP T số tiền là:

- Nợ gốc : 493,150,686 đồng;
- Nợ lãi : 74,282,228 đồng;
- **Tổng cộng : 567,432,914 đồng. (Bằng chữ: Năm trăm sáu mươi bảy triệu, bốn trăm ba mươi hai nghìn, chín trăm mười bốn đồng).**

Đề nghị:

- a) Yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị M H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP T toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng cho vay nêu trên; tạm tính đến ngày **26/12/2018**, khoản tiền này là:
 - Nợ gốc : 493,150,686 đồng;
 - Nợ lãi : 74,282,228 đồng;
 - **Tổng cộng : 567,432,914 đồng. (Bằng chữ: Năm trăm sáu mươi bảy triệu, bốn trăm ba mươi hai nghìn, chín trăm mười bốn đồng).**
- b) Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng cho vay cho đến ngày Bà Nguyễn Thị M H thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP T.
- c) Yêu cầu Tòa án cho kê biên, phát mại các tài sản của bà Nguyễn Thị M H để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP T trong trường hợp Bà Nguyễn Thị M H không thanh toán, cụ thể như sau: xe ô tô Suzuki Vitara, màu Xanh Trắng, số

khung TSMYD21S6GM193147, số máy M16A2015743, biển kiểm soát 30A-988.15 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 224000 do Phòng Cảnh sát giao thông công an thành phố Hà Nội cấp ngày 15/04/2016.

* Bị đơn là bà Nguyễn Thị M H đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, không thông báo địa chỉ cho nguyên đơn cũng như cho Tòa án biết. Tòa án đã ra thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng (theo yêu cầu của nguyên đơn) đối với bị đơn nhưng không có phản hồi, tin tức gì. Do không triệu tập được bị đơn, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn Yêu cầu bà H thanh toán tổng số tiền là 746.272.237 đồng (Nợ gốc 493.150.686 đồng + Nợ lãi trong hạn 122.303.460 đồng + Nợ lãi quá hạn 130.818.091 đồng); Yêu cầu Tòa án cho kê biên, phát mại các tài sản thế chấp là xe ô tô Suzuki Vitara, màu Xanh Trắng, số khung TSMYD21S6GM193147, số máy M16A2015743, biển kiểm soát 30A-988.15 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 224000 do Phòng Cảnh sát giao thông công an thành phố Hà Nội cấp ngày 15/04/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Căn cứ yêu cầu khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án Dân sự này là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Bị đơn cố tình dấu địa chỉ, Tòa án đã tiến hành các thủ tục đảm bảo quyền lợi cho các đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hợp đồng và các vấn đề liên quan đến quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, đã được công khai chứng cứ và thẩm tra tại phiên tòa, có cơ sở xác định như sau:

Hợp đồng cho vay số 60-04.16/HĐTD/TPB.HKM ký ngày 15/04/2016 có thỏa thuận về mục đích vay vốn, lãi suất cho vay, kỳ hạn trả nợ, lãi suất quá hạn, phạt chậm trả lãi.

Hợp đồng cho vay phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự; Luật các tổ chức tín dụng, quy chế cho vay. Do đó, xác định là hợp đồng hợp pháp, các bên có nghĩa vụ thực hiện.

Giao dịch Hợp đồng thực hiện ngày 15/04/2016 nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

3.1. Yêu cầu về thanh toán tiền gốc và lãi theo hợp đồng cho vay:

Căn cứ Hợp đồng cho vay hai bên đã ký, thỏa thuận lãi trong hợp đồng của các bên là tự nguyện, phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng, quy chế cho vay. Phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, lỗi là do phía bị đơn... Do vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về thanh toán nợ gốc, nợ lãi của Ngân hàng. Buộc bà Nguyễn Thị M H phải thanh toán trả Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 746.272.237 đồng (Nợ gốc 493.150.686 đồng + Nợ lãi trong hạn 122.303.460 đồng + Nợ lãi quá hạn 130.818.091 đồng).

3.2. Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm:

Hợp đồng thế chấp tài sản số 60-04.16/HĐTC/TPB.HKM ký ngày 15/04/2016 giữa bà Nguyễn Thị M H và Ngân hàng TMCP T để bảo đảm cho khoản vay của bà H tại Ngân hàng. Đã được đăng ký giao dịch bảo đảm/hợp đồng- 1210221105 tại Hệ thống đăng ký trực tuyến- Cục đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm- Bộ tư pháp.

Tài sản bảo đảm là: xe ô tô Suzuki Vitara, màu Xanh Trắng, số khung TSMYD21S6GM193147, số máy M16A2015743, biển kiểm soát 30A-988.15 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 224000 do Phòng Cảnh sát giao thông công an thành phố Hà Nội cấp ngày 15/04/2016.

Việc ký kết các biện pháp bảo đảm do các bên tự nguyện, được lập thành văn bản, tài sản bảo đảm thuộc quyền sở hữu của bên bảo đảm, đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật nên hợp pháp, các bên có nghĩa vụ thực hiện.

Do vậy, trong trường hợp bà Nguyễn Thị M H vi phạm nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng TMCP T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm theo Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22.02.2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29.12.2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29.12.2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm

[4] Về các vấn đề khác của vụ án:

Về án phí: bà Nguyễn Thị M H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng TMCP T được hoàn trả dự án phí đã nộp.

Đối với chi phí đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng phía nguyên đơn tự nguyện chịu nên chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, 35, 36, 39, 227, 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 121, 342, 355, 471, 473, 474, 475, 476, Bộ luật dân sự 2005;

Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư 12 ngày 14.4.2010 của Ngân hàng Nhà Nước hướng dẫn các tổ chức tín dụng cho vay đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29.12.2006 của Chính Phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22.02.2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29.12.2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31.12.2001 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng với khách hàng;

Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T đối với bà Nguyễn Thị M H.

2- Buộc bà Nguyễn Thị M H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP T theo Hợp đồng cho vay số 60-04.16/HĐTD/TPB.HKM ký ngày 15/04/2016, số tiền nợ đến khi xét xử sơ thẩm là 746.272.237 đồng gồm: Nợ gốc 493.150.686 đồng + Nợ lãi trong hạn 122.303.460 đồng + Nợ lãi quá hạn 130.818.091 đồng.

3- Trong trường hợp bà Nguyễn Thị M H không thực hiện nghĩa vụ trả khoản nợ trên thì Ngân hàng TMCP T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 60-04.16/HĐTC/TPB.HKM ký ngày 15/04/2016. Đã được đăng ký giao dịch bảo đảm/hợp đồng- 1210221105 tại Hệ thống đăng ký trực tuyến- Cục đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm- Bộ tư pháp để thu hồi nợ:

Tài sản bảo đảm là: xe ô tô Suzuki Vitara, màu Xanh Trắng, số khung TSMYD21S6GM193147, số máy M16A2015743, biển kiểm soát 30A-988.15 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 224000 do Phòng Cảnh sát giao thông công an thành phố Hà Nội cấp ngày 15/04/2016.

Khi kê biên phát mại tài sản đã thế chấp (nêu ở trên) thì được thực hiện theo Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22.02.2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29.12.2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29.12.2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Trường hợp số tiền thu được không đủ thanh toán hết các khoản nợ thì bà Nguyễn Thị M H phải tiếp tục trả số nợ còn thiếu cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ.

4 - Không chấp nhận các yêu cầu khác của các bên đương sự.

5- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Khoản nợ lãi không phải trả lãi cho đến khi thi hành án xong.

6- Về án phí: bà Nguyễn Thị M H phải chịu 33.850.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP T 13.348.000 đồng(Mười ba triệu, ba trăm bốn mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009935 ngày 26/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

7- Án xử công khai, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

8- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội.;
- VKSND TP Hà nội;
- VKSND quận Đống Đa;
- THADS quận Đống Đa;
- Đương sự;
- Lưu HS, VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phương Thảo